

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận đăng ký  
kinh doanh**

Số 4103004900 ngày 16 tháng 6 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký dinh doanh do Sở Kế  
hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép thành lập và hoạt động**

Số 15/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 6 năm 2006  
và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng  
khoán Nhà Nước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hứa Xường	Chủ tịch
Ông Đỗ Hoàng Linh	Thành viên
Bà Ngô Nguyễn Đoan Trang	Thành viên
Ông Ngô Trí Đức	Thành viên
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Duy	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Ông Hoàng Văn Tự	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Mai Trọng Luận	Thành viên
Ông Vũ Huy Nhân	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Hoàng Thị Tâm	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Hứa Xường	Chủ tịch
---------------	----------

**Trụ sở chính**

46 - 48 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Chi nhánh**

96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc



Hứa Xường  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (“Công ty”) được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34. Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho niên độ kết thúc cùng ngày nêu trên của Công ty đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác, mà báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 4 năm 2012 của đơn vị kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số khoản mục trên các báo cáo tài chính năm 2011 đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày trong Thuyết minh 26 của các báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



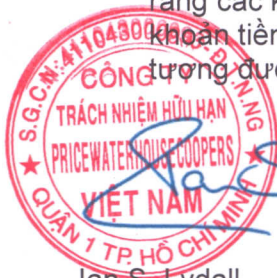
## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

## Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

- Như trình bày trong Thuyết minh 2.2 của các báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lỗ lũy kế của Công ty là 179.187.553.152 đồng, tương đương khoảng 72% vốn cổ phần của Công ty và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị thâm hụt một khoản tiền 7.670.045.408 đồng. Mặc dù, một cổ đông lớn của Công ty đã xác nhận bằng văn bản để cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty có đủ khả năng thanh toán công nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động liên tục, những sự kiện này chứng tỏ sự hiện hữu của một tình trạng không chắc chắn, có tính trọng yếu, đưa đến điều rất hoài nghi về khả năng Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.
- Như trình bày trong Thuyết minh 3 của các báo cáo tài chính, bao gồm trong khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền gửi tại một ngân hàng thương mại cổ phần số tiền là 227.291.471.313 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 35.291.471.313 đồng) liên quan đến ba hợp đồng tiền gửi kỳ hạn đã đến hạn từ tháng 11 năm 2011. Công ty chưa được hoàn trả các khoản tiền này do ngân hàng thương mại cổ phần này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo này, Công ty và ngân hàng thương mại cổ phần này vẫn đang trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do vậy không lập dự phòng cho các khoản tiền gửi quá hạn này. Khoản tiền này đã được loại trừ khỏi khoản mục tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Nguyễn Hoàng Nam  
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3786  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Mẫu số B 01 - CTCK

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>342.511.621.416</b>	<b>384.281.380.723</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	261.135.671.193	337.328.132.980
111	Tiền		75.187.642.456	10.028.132.980
112	Các khoản tương đương tiền		185.948.028.737	327.300.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	1.100.297.600	1.104.792.237
121	Đầu tư ngắn hạn		2.319.503.607	2.314.853.607
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.219.206.007)	(1.210.061.370)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		79.967.054.389	45.457.211.288
131	Phải thu khách hàng		54.000.000	54.000.000
132	Trả trước cho người bán		131.736.000	131.736.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	49.942.428.054	136.138.712.974
138	Các khoản phải thu khác	7	116.912.725.364	1.398.457.912
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(87.073.835.029)	(92.265.695.598)
150	Tài sản ngắn hạn khác		308.598.234	391.244.218
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		230.424.000	336.097.573
158	Tài sản ngắn hạn khác		78.174.234	55.146.645
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>157.086.140.972</b>	<b>181.861.770.998</b>
220	Tài sản cố định		15.727.883.784	18.250.987.969
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.627.498.039	10.150.866.596
222	Nguyên giá		20.136.367.832	20.136.367.832
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.508.869.793)	(9.985.501.236)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	6.722.305.745	8.100.121.373
228	Nguyên giá		11.022.524.966	11.022.524.966
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.300.219.221)	(2.922.403.593)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	1.378.080.000	-
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	134.865.800.312	157.841.943.247
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		36.044.032.157	92.633.604.499
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		36.044.032.157	92.633.604.499
258	Đầu tư dài hạn khác		121.113.962.800	121.113.962.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.292.194.645)	(55.905.624.052)
260	Tài sản dài hạn khác		6.492.456.876	5.768.839.782
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.006.761.719	1.684.230.417
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.244.303.522	3.500.170.930
268	Tài sản dài hạn khác		1.241.391.635	584.438.435
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>499.597.762.388</b>	<b>566.143.151.721</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 01 - CTCK

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>282.790.061.540</b>	<b>352.718.855.845</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>282.790.061.540</b>	<b>352.718.855.845</b>
312	Phải trả người bán		664.241.260	1.055.521.049
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	58.674.221	126.675.373
315	Phải trả người lao động		-	796.295
316	Chi phí phải trả		165.306.073	155.945.049
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	227.636.342.417	327.607.630.000
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	54.264.308.304	23.770.733.814
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	365.000
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>216.807.700.848</b>	<b>213.424.295.876</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>216.807.700.848</b>	<b>213.424.295.876</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15	250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.047.627.000	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.372.627.000	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế		(179.187.553.152)	(182.570.958.124)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>499.597.762.388</b>	<b>566.143.151.721</b>

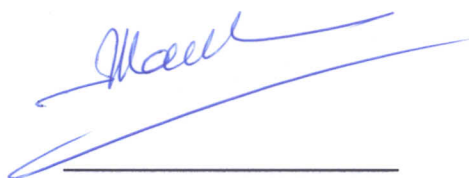
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Mẫu số B 01 - CTCK

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ</b>	<b>002</b>	<b>30.233.146.506</b>	<b>37.450.000.000</b>
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>417.972.400.000</b>	<b>411.108.090.000</b>
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	394.002.700.000	400.963.490.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6.433.410.000	27.858.340.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	378.945.260.000	365.710.890.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		8.624.030.000	7.394.260.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	554.940.000	1.596.290.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	554.940.000	1.596.290.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	22.906.000.000	7.582.200.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	905.600.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	22.906.000.000	6.676.600.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	508.760.000	966.110.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	10.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	508.760.000	966.100.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>68.600.860.000</b>	<b>54.457.060.000</b>
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	68.587.360.000	54.443.560.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.750.000	21.310.000.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	47.270.610.000	33.127.560.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		6.000.000	6.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	13.500.000	13.500.000
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	057	13.500.000	13.500.000
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>19.835.085.000</b>	<b>19.807.480.000</b>



Trần Thị Rồng  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>01</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>18.577.840.654</b>	<b>21.543.918.610</b>
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.241.219.102	2.432.772.069
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 2.161.785.599	6.945.198.189
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	32.727.273	377.500.000
01.9	Doanh thu khác	18 11.142.108.680	11.788.448.352
<b>02</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(17.128.217)</b>	<b>(6.433.275)</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>18.560.712.437</b>	<b>21.537.485.335</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>19 (8.661.720.501)</b>	<b>(10.562.634.607)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.898.991.936</b>	<b>10.974.850.728</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20 (6.544.814.526)</b>	<b>(68.396.999.424)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.354.177.410</b>	<b>(57.422.148.696)</b>
31	Thu nhập khác	29.227.562	38.717.696
32	Chi phí khác	-	(6.499.995)
<b>40</b>	<b>Thu nhập khác – số thuần</b>	<b>29.227.562</b>	<b>32.217.701</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>3.383.404.972</b>	<b>(57.389.930.995)</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>21 -</b>	<b>-</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>10 -</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>	<b>3.383.404.972</b>	<b>(57.389.930.995)</b>
<b>70</b>	<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>135</b>	<b>(2.296)</b>

  
Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận/ (lỗ) trước thuế</b>	<b>3.383.404.972</b>	<b>(57.389.930.995)</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.901.184.185	3.898.557.693
03	(Hoàn nhập)/ trích các khoản dự phòng	(38.796.145.339)	50.217.284.042
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	23.721.423.733	(5.143.512.133)
06	Chi phí lãi vay	-	839.202.863
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(7.790.132.449)</b>	<b>(7.578.398.530)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(29.322.632.532)	41.150.078.515
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	30.083.690.683	(23.836.935.689)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	783.142.271	(1.085.690.521)
13	Tiền lãi vay đã trả	-	(839.202.863)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	85.079.819
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.424.113.381)	(659.648.127)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(7.670.045.408)</b>	<b>7.235.282.604</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.378.080.000)	(74.800.000)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	38.509.091
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.781.609.000	2.026.483.649
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.086.539.609	7.738.543.492
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>31.490.068.609</b>	<b>9.728.736.232</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	145.582.550.000
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(186.476.920.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>(40.894.370.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>23.820.023.201</b>	<b>(23.930.351.164)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 10.024.176.679</b>	<b>33.954.527.843</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 33.844.199.880</b>	<b>10.024.176.679</b>

  
Trần Thị Rồng  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Mẫu số B 05 - CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lỗi lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(124.912.883.129)	270.814.226.871
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(57.389.930.995)	(57.389.930.995)
Trích thù lao Hội đồng quản trị năm 2010	-	-	-	-	(268.144.000)	(268.144.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(182.570.958.124)	213.424.295.876
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.383.404.972	3.383.404.972
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(179.187.553.152)	216.807.700.848

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:


- Quỹ dự trữ bổ sung vốn : trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty

Trong năm, Công ty chưa trích lập các quỹ do số lợi nhuận thuần trong năm không đáng kể.



Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900, ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tiên của Công ty số 15/UBCK-GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Giấy phép hoạt động mới nhất của Công ty số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 8 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 57 nhân viên (2011: 66 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù Công ty đã phát sinh lỗ lũy kế là 179.187.553.152 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm một khoản 7.670.045.408 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc đạt được lợi nhuận và khả năng tạo ra dòng tiền trong tương lai. Ngoài ra, một cổ đông chính của Công ty là một tổ chức tín dụng, đã xác nhận bằng văn bản trong thư cam kết hỗ trợ rằng cổ đông này sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty để Công ty có đủ khả năng thanh toán công nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.3 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị giải ngân trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty đã thay đổi phương pháp ước tính dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trước năm 2012, Ban lãnh đạo Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 áp dụng cho các doanh nghiệp. Hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa vào giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này được trình bày ở Thuyết minh 26.

**2.8 Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Phân loại**

Công ty phân loại các khoản đầu tư thành hai nhóm: đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán và đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết với mục đích kinh doanh.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.8 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

**(c) Đánh giá**

*Đầu tư ngắn hạn - Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*Đầu tư dài hạn - Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

*Đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm vi tính	8 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.10 Thuê tài sản cố định**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Ghi nhận doanh thu**

*(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán dựa trên mức phí quy định của Công ty nhưng không vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

*(ii) Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*(iii) Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.13 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Tiền mặt	32.150.545	23.794.210
Tiền gửi ngân hàng	75.155.491.911	10.004.338.770
Các khoản tương đương tiền	185.948.028.737	327.300.000.000
	<u>261.135.671.193</u>	<u>337.328.132.980</u>
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty chứng khoán</i>	<i>14.871.362.889</i>	<i>1.010.093.159</i>
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i>	<i>244.066.750.903</i>	<i>333.140.594.969</i>
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư</i>	<i>2.197.557.401</i>	<i>3.177.444.852</i>
	<u>261.135.671.193</u>	<u>337.328.132.980</u>
Trừ tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (*)	(227.291.471.313)	(327.303.956.301)
Tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>33.844.199.880</u>	<u>10.024.176.679</u>

(\*) Đây là khoản tiền được một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty ủy thác cho Công ty sử dụng theo hợp đồng ký vào ngày 1 tháng 8 năm 2011 (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 23(b)). Theo đó, Công ty đã gửi số tiền này vào tài khoản tiền gửi kỳ hạn mở tại một ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 14% một năm theo ba hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn. Các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn này đã quá hạn từ tháng 11 năm 2011. Tại ngày lập báo cáo tài chính, ngân hàng thương mại cổ phần này chưa thanh toán khoản tiền là 227.291.471.313 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 35.291.471.313 đồng) từ ba hợp đồng tiền gửi trên do việc ngân hàng này đang trong quá trình tái cấu trúc và hiện đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vào ngày 24 tháng 5 năm 2013, ngân hàng thương mại cổ phần này đã gửi thư cho Công ty đề xuất một phương án hoàn trả theo tiến độ đến hết Quý 3 năm 2014 căn cứ theo đề án tái cấu trúc được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Tuy nhiên, tại ngày báo cáo này, Công ty và ngân hàng này trao đổi về phương án hoàn trả các khoản tiền gửi trên cũng như mức lãi suất áp dụng, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi toàn bộ và do đó việc trích lập dự phòng cho khoản tiền này là không cần thiết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
a) Của Công ty Cổ phiếu niêm yết	2.145.430	26.786.259.000
b) Của nhà đầu tư Cổ phiếu Trái phiếu	266.864.053 14.985.000	2.813.718.355.300 1.438.266.076.884
	<u>283.994.483</u>	<u>4.278.770.691.184</u>

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
(b) Đầu tư dài hạn	157.157.994.957	451.888	(22.292.194.645)	134.866.252.200	(22.292.194.645)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	36.044.032.157	451.888	(22.292.194.645)	13.752.289.400	(22.292.194.645)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>159.477.498.564</u>	<u>451.888</u>	<u>(23.511.400.652)</u>	<u>135.966.549.800</u>	<u>(23.511.400.652)</u>
Tại ngày 31.12.2011	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.314.853.607	-	(1.210.061.370)	1.104.792.237	(1.210.061.370)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	2.314.853.607	-	(1.210.061.370)	1.104.792.237	(1.210.061.370)
(b) Đầu tư dài hạn (Trình bày lại)	213.747.567.299	-	(55.905.624.052)	157.841.943.247	(55.905.624.052)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	92.633.604.499	-	(55.905.624.052)	36.727.980.447	(55.905.624.052)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>216.062.420.906</u>	<u>-</u>	<u>(57.115.685.422)</u>	<u>158.946.735.484</u>	<u>(57.115.685.422)</u>

(\*) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	1.671.102.613	118.190.907.916
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	15.993.498.122	1.451.710.000
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền mua	32.277.827.319	15.376.488.850
Phải thu khác	-	1.119.606.208
	<u>49.942.428.054</u>	<u>136.138.712.974</u>
Dự phòng nợ khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	-	(92.265.695.598)
	<u>49.942.428.054</u>	<u>43.873.017.376</u>

Phải thu giao dịch hoạt động chứng khoán thể hiện khoản phải thu nhà đầu tư liên quan đến các hoạt động hỗ trợ kinh doanh chứng khoán với nhà đầu tư.

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phân loại lại từ các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	116.344.124.145	-
Phải thu khác	568.601.219	1.398.457.912
	<u>116.912.725.364</u>	<u>1.398.457.912</u>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	(87.073.835.029)	-
	<u>29.838.890.335</u>	<u>1.398.457.912</u>

(\*) Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty đã phân loại lại khoản tiền là 116.344.124.145 đồng do không đủ điều kiện ghi nhận trong phải thu từ các giao dịch chứng khoán thành khoản phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Số dư đầu năm	92.265.695.598	37.753.929.911
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 20)	-	54.511.765.687
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 20)	(5.191.860.569)	-
Số dư cuối năm	<u>87.073.835.029</u>	<u>92.265.695.598</u>

Số trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các nhà đầu tư.

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	16.728.095.866	3.298.189.498	110.082.468	<b>20.136.367.832</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.161.326.900	1.778.243.584	45.930.752	<b>9.985.501.236</b>
Khấu hao trong năm	2.092.243.343	417.364.898	13.760.316	<b>2.523.368.557</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>10.253.570.243</u>	<u>2.195.608.482</u>	<u>59.691.068</u>	<b>12.508.869.793</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.566.768.966	1.519.945.914	64.151.716	<b>10.150.866.596</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>6.474.525.623</u>	<u>1.102.581.016</u>	<u>50.391.400</u>	<b>7.627.498.039</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 116.443.214 đồng (2011: 30.712.614 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	573.439.092	10.449.085.874	<b>11.022.524.966</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	299.078.415	2.623.325.178	<b>2.922.403.593</b>
Khấu hao trong năm	71.679.888	1.306.135.740	<b>1.377.815.628</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	370.758.303	3.929.460.918	<b>4.300.219.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	274.360.677	7.825.760.696	<b>8.100.121.373</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	202.680.789	6.519.624.956	<b>6.722.305.745</b>

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư cho hệ thống giao dịch chứng khoán đang lắp đặt trong năm 2012. Hệ thống này được đưa vào sử dụng trong năm 2013.

**10 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng năm năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VNĐ
2008	Đã quyết toán	(119.694.194.100)
2010	Chưa quyết toán	(3.592.745.088)
2011	Chưa quyết toán	(7.179.871.420)
2012	Chưa quyết toán	(2.628.430.456)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trên không được ghi nhận vì khả năng Công ty có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**11 TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số dư đầu năm	3.500.170.930	2.840.522.803
Tiền nộp bổ sung	-	500.337.557
Tiền lãi	744.132.592	159.310.570
Số dư cuối năm	<u>4.244.303.522</u>	<u>3.500.170.930</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp	1.700.000	1.684.961
Thuế thu nhập cá nhân	56.974.221	51.416.912
Các loại thuế khác	-	73.573.500
	<u>58.674.221</u>	<u>126.675.373</u>

**13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Phải trả một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 3, Thuyết minh 23(b)) (*)	192.000.000.000	312.558.304.186
Lãi tiền gửi từ khoản tiền ủy thác của Cổ đông lớn (Thuyết minh số 23(b)) (*)	35.243.699.417	14.741.695.814
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	307.630.000	307.630.000
Bảo hiểm xã hội	803.000	-
Phải trả khác	84.210.000	-
	<u>227.636.342.417</u>	<u>327.607.630.000</u>

(\*) Các khoản tiền này thể hiện số lãi quá hạn phải trả và tiền gốc quá hạn phải trả liên quan đến hợp đồng ủy thác được ký vào ngày 1 tháng 8 năm 2011 giữa Công ty và một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 3).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải trả Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	88.652.732	78.296.863
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	26.840.255.000	11.021.794.000
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	27.317.803.699	12.666.686.650
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của Cổ đông lớn (Thuyết minh 23(b))	17.596.873	3.956.301
	<u>54.264.308.304</u>	<u>23.770.733.814</u>

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2012 Cổ phiếu phổ thông	2011 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.00.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 25.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	2012		2011	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn tổ chức	8.339.150	33	8.339.150	33
Phần vốn của cá nhân	16.660.850	67	16.660.850	67
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**16 LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	2012	2011
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	3.383.404.972	(57.389.930.995)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>135</u>	<u>(2.296)</u>

**17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Thu nhập cổ tức	2.161.785.599	6.612.199.950
Lãi từ mua bán chứng khoán dài hạn	-	332.998.239
	<u>2.161.785.599</u>	<u>6.945.198.189</u>

**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.924.754.010	1.126.343.542
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	1.767.759.446	547.239.157
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán	5.396.595.224	9.801.088.575
Doanh thu khác	53.000.000	313.777.078
	<u>11.142.108.680</u>	<u>11.788.448.352</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

**Mẫu số B 09 - CTCK**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
		<b>(Trình bày lại)</b>
Chi phí nhân viên	5.048.153.134	4.108.662.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.470.603.087	2.466.529.285
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	2.350.895.639	2.034.380.685
Chi phí lãi vay	-	839.202.863
Chi phí thuê văn phòng	1.460.723.940	2.023.227.767
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	29.807.963.342	2.595.031.359
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	-	27.824.075
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(33.604.284.770)	(4.294.481.645)
Chi phí khác	1.127.666.129	762.257.575
	<u>8.661.720.501</u>	<u>10.562.634.607</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
		<b>(Trình bày lại)</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.883.485.113	5.283.070.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.430.581.098	1.432.028.408
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(5.191.860.569)	54.511.765.687
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.647.982.264	2.920.501.212
Chi phí thuê văn phòng	1.110.510.720	1.248.420.550
Chi phí bằng tiền khác	1.664.115.900	3.001.212.744
	<u>6.544.814.526</u>	<u>68.396.999.424</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**21 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng được thể hiện như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	3.383.404.972	(57.389.930.995)
Thuế tính ở thuế suất 25%	845.851.243	(14.347.482.749)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(540.446.400)	(1.653.049.988)
Chi phí không được khấu trừ	(962.512.457)	14.205.564.882
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	657.107.614	1.794.967.855
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(1) Rủi ro thị trường**

*Rủi ro giá*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.390.168.750 đồng/ thấp hơn 2.609.374.757 đồng tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(2) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (Thuyết minh 3) và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	54.434.000.000
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	54.434.000.000	7.512.207.000
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	7.400.744.400	44.284.657.766
Quá hạn trên 3 năm	44.205.379.745	-
	<u>106.040.124.145</u>	<u>106.230.864.766</u>

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	49.942.428.054	136.138.712.974
Phải thu khác	116.912.725.364	1.398.457.912
	<u>166.855.153.418</u>	<u>137.537.170.886</u>
Trừ: Dự khoản giảm giá (Thuyết minh 8)	87.073.835.029	92.265.695.598
	<u>79.781.318.389</u>	<u>45.271.475.288</u>

Các khoản phải thu khách hàng bị giảm giá chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(3) Rủi ro thanh khoản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, và phải trả khác với số tiền là 282.730.198.054 đồng (2011: 352.589.829.912 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b><i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i></b>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Doanh thu từ phí môi giới chứng khoán	63.203.659	210.926.510
<b><i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i></b>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Phí thuê văn phòng	2.571.234.660	1.650.744.817
<b><i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i></b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.220.700.000	1.621.645.667
<b><i>iv) Hoạt động khác</i></b>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Nhận tiền ủy thác từ một cổ đông lớn (*)	-	327.300.000.000
Hoàn trả cho cổ đông lớn	93.622.346.100	-
Lãi tiền gửi đã trả cho cổ đông lớn	6.390.138.888	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuyết minh 13) (*)</b>		
Lãi tiền gửi phải trả cổ đông lớn	35.243.699.417	14.741.695.814
Tiền gốc phải trả cổ đông lớn	192.000.000.000	312.558.304.186

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 14)**

Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của Cổ đông lớn	17.596.873	3.956.301
-----------------------------------------------------------------	------------	-----------

(\*) Ngày 1 tháng 8 năm 2011, một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty đã có thỏa thuận ủy quyền cho Công ty có toàn quyền sử dụng khoản tiền nhàn rỗi trong tài khoản chứng khoán của cổ đông này trong thời gian tài khoản này chưa mua chứng khoán. Công ty sẽ phải trả lãi suất 13,9%/năm cho cổ đông này trên số tiền sử dụng cho các mục đích khác. Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, Công ty đã gửi 327.300.000.000 đồng vào tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại trong năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải trả cho cổ đông này bao gồm gốc (192.000.000.000 đồng) và lãi từ các hợp đồng tiền gửi trên (35.243.699.417 đồng) vẫn chưa được thanh toán do ngân hàng thương mại cổ phần này đang trong giai đoạn tái cấu trúc và đang được giám sát bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (Thuyết minh 3).

**24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Dưới 1 năm	2.454.571.200	2.961.180.000
Từ 2 đến 5 năm	5.567.332.800	6.581.904.000
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>8.021.904.000</b>	<b>9.543.084.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**25 CAM KẾT MUA TÀI SẢN**

Công ty có các cam kết thanh toán cho việc thực hiện hợp đồng mua tài sản cố định nhưng không thể hiện trong các báo cáo tài chính như sau do khối lượng công việc chưa được thực hiện:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Mua tài sản cố định	3.215.520.000	-

**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại, trình bày lại để phản ánh việc thay đổi phương pháp trích lập dự phòng (Thuyết minh 2.7) và để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại.

Thuyết minh các khoản mục trình bày lại liên quan đến số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

STT	Diễn giải	Ảnh hưởng đến	
		BCĐKT	KQHĐKD
		Ghi nợ/(Ghi có)	Ghi nợ/(Ghi có)
1	Trình bày lại khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán		
	Giảm khoản tiền	(327.300.000.000)	-
	Tăng các khoản tương đương tiền	327.300.000.000	-
2	Ghi nhận chi phí dự phòng các khoản phải thu theo giá trị thu hồi của tài sản đảm bảo		
	Tăng khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(66.535.027.029)	-
	Tăng khoản lỗ lũy kế đầu năm	12.530.879.921	-
	Tăng khoản chi phí quản lý		54.004.147.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

STT	Diễn giải	Ảnh hưởng đến	
		BCĐKT	KQHĐKD
		Ghi nợ/(Ghi có)	Ghi nợ/(Ghi có)
3	Phân loại lại các khoản đầu tư vào các tổ chức chưa niêm yết thành khoản đầu tư tài chính dài hạn khác Tăng khoản đầu tư tài chính dài hạn khác Giảm khoản chứng khoán sẵn sàng để bán	121.113.962.800 (121.113.962.800)	- -
4	Ghi nhận tách biệt hai quỹ bắt buộc Tăng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Giảm quỹ dự phòng tài chính	(4.047.627.000) 4.047.627.000	- -
5	Loại khoản thu nhập và chi phí liên quan đến các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo bản chất của giao dịch Giảm khoản doanh thu khác Giảm khoản chi phí hoạt động kinh doanh		14.602.326.883 (14.602.326.883)
6	Phân loại lại khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vào giảm chi phí hoạt động do đã được ghi nhận theo Thông tư 130/2008/TT-BTC Giảm khoản doanh thu khác Giảm khoản chi phí hoạt động kinh doanh		4.863.814.959 (4.863.814.959)
7	Phân loại lại chi phí khấu hao phân bổ vào chi phí hoạt động Tăng khoản chi phí hoạt động kinh doanh Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		2.466.529.285 (2.466.529.285)
8	Phân loại lại chi phí thuê văn phòng phân bổ vào chi phí hoạt động Tăng khoản chi phí hoạt động kinh doanh Giảm khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		1.278.524.567 (1.278.524.567)
9	Phân loại lại khoản tiền gốc phải trả cổ đông lớn từ khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán sang khoản phải trả khác Tăng khoản phải trả khác Giảm khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán		(312.558.304.186) 312.558.304.186



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh trên đến bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (dạng rút gọn)**

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>450.816.407.752</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>384.281.380.723</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	337.328.132.980	-	337.328.132.980
111	Tiền	337.328.132.980	(327.300.000.000)	10.028.132.980
112	Các khoản tương đương tiền	-	327.300.000.000	327.300.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>111.992.238.317</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>45.457.211.288</b>
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.730.668.569)	(66.535.027.029)	(92.265.695.598)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>157.841.943.247</b>	<b>-</b>	<b>157.841.943.247</b>
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	213.747.567.299	(121.113.962.800)	92.633.604.499
258	Đầu tư dài hạn khác	-	121.113.962.800	121.113.962.800
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>632.678.178.750</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>566.143.151.721</b>
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>-</b>	<b>352.718.855.845</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>-</b>	<b>352.718.855.845</b>
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.049.325.814	312.558.304.186	327.607.630.000
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	336.329.038.000	(312.558.304.186)	23.770.733.814
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>213.424.295.876</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>279.959.322.905</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>213.424.295.876</b>
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	4.047.627.000	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	7.420.254.000	(4.047.627.000)	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế	(116.035.931.095)	(66.535.027.029)	(182.570.958.124)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>632.678.178.750</b>	<b>(66.535.027.029)</b>	<b>566.143.151.721</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (dạng rút gọn)**

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
01	Doanh thu	41.010.060.452	(19.466.141.842)	21.543.918.610
	<i>Trong đó:</i>			
01.9	Doanh thu khác	31.254.590.194	(19.466.141.842)	11.788.448.352
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	41.003.627.177	(19.466.141.842)	21.537.485.335
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	(26.283.722.597)	15.721.087.990	(10.562.634.607)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	14.719.904.580	(3.745.053.852)	10.974.850.728
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.137.906.168)	(50.259.093.256)	6.999.424)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.418.001.588)	(54.004.147.108)	(57.422.148.696)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**26 ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (dạng rút gọn)**

		Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
Mã số		Theo báo cáo	Điều chỉnh	Trình bày lại
		trước đây		
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lỗ trước thuế	(3.385.783.887)	(54.004.147.108)	(57.389.930.995)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
03	(Hoàn nhập)/ trích các khoản dự phòng	(3.786.863.066)	54.004.147.108	50.217.284.042
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(22.372.879.471)	17.229.367.338	(5.143.512.133)
06	Chi phí lãi vay	15.950.988.332	(15.111.785.469)	839.202.863
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(9.695.980.399)	2.117.581.869	(7.578.398.530)
09	Giảm các khoản phải thu	38.713.937.588	2.436.140.927	41.150.078.515
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	304.270.775.948	(328.107.711.637)	(23.836.935.689)
13	Tiền lại vay đã trả	(15.950.988.332)	15.111.785.469	(839.202.863)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	32.687.244.002	(32.602.164.183)	85.079.819
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(28.799.031.815)	28.139.383.688	(659.648.127)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>320.140.266.471</b>	<b>(312.904.983.867)</b>	<b>7.235.282.604</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.026.483.649	2.026.483.649
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.532.080.375	(16.793.536.883)	7.738.543.492
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>24.495.789.466</b>	<b>(14.767.053.234)</b>	<b>9.728.736.232</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(368.080.800)	368.080.800	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<b>(41.262.450.800)</b>	<b>368.080.800</b>	<b>(40.894.370.000)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>303.373.605.137</b>	<b>(327.303.956.301)</b>	<b>(23.930.351.164)</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>337.328.132.980</b>	<b>(327.303.956.301)</b>	<b>10.024.176.679</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**27 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

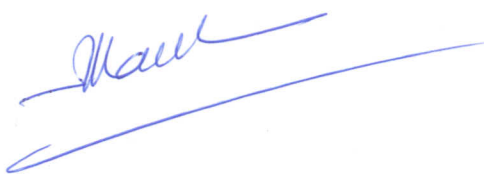
Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 đồng. Phó Giám đốc Công ty phụ trách chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông mà chưa có sự đồng ý, xác nhận của các cá nhân này. Các giao dịch này phát sinh từ tháng 2 năm 2013 đến tháng 4 năm 2013.

Tại ngày báo cáo này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết hoàn trả các khoản tiền này cho các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

Kể từ khi sự kiện trên xảy ra, bất cứ các giao dịch chứng khoán và bất kỳ giao dịch chuyển tiền của nhà đầu tư nào tại Chi nhánh Hà Nội phải được Hội Sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Ngoài ra, vào ngày 19 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có công văn số 459/QĐ-UBCK quyết định phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty còn bị đình chỉ hoạt động môi giới trong thời gian từ ngày 29 tháng 7 năm 2013 đến ngày 2 tháng 8 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2013.



Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc